TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1449/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Cảnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 880/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 567/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: 13 đường 2, khu phố 3, phường A, quận T, Thành Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Thiện C, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: 59/7 ấp Bắc Lân, xã S, huyện H, Thành Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà L và ông Lê Thiện C tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2006 do

Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2006.

Cuộc sống chung của bà L và ông C hạnh phúc. Từ giữa năm 2008 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường rượu chè về thường cải vả nhau, vợ chồng đã ly thân khoảng 10 năm nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông Lê Thiện C.

Về con chung: Bà L và ông Lê Thiện C có 01 con chung tên Lê Ngọc D, sinh ngày 03/10/2004. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông Chí cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông C hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn là ông Lê Thiện C có địa chỉ tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Thiện C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh L và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà L và ông Lê Thiện C đã chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp.

Bà L cho rằng cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc. Từ giữa năm 2008 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường rượu chè về thường cải vả nhau và vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn.

Theo Biên bản xác minh ngày 05/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện H: Vợ chồng ông Lê Thiện C và bà Nguyễn Thị Thanh L thực tế có mâu thuẫn.

Xét quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C vẫn không đến và không có ý kiến, thể hiện ông C không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của ông và bà L. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông C trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc bà L yêu cầu ly hôn với ông C là có cơ sở giải quyết.

Về con chung: Bà L và ông Lê Thiện C có 01 con chung tên Lê Ngọc D, sinh ngày 03/10/2004. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai tại Tòa án thì con chung Lê Thị Ngọc D trình bày có nguyện vọng sống chung với mẹ. Xét, bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và con chung cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con và tự nguyên không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai là không có; tuy nhiên ông C vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cở sở.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Lê Thiện C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2006 cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Lê Thiện C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Lê Ngọc D, sinh ngày 03/10/2004 cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Lê Thiện C không cấp dưỡng nuôi con. Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004562 ngày 07/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- Chi cục THADS H. H
- VKSND H. H;
- UBND X. S, H.H;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Cảnh Long